

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ Điều 50, 306 Luật Thương mại;
Căn cứ Điều 137, 144 Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung năm 2020;
Căn cứ Điều 116, 117, 118, 119, 280, 401, 357, 440 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Căn cứ Điều 18, Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 29 tháng 12 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 110/2023/TLST-KDTM ngày 17/11/2023 về việc tranh chấp hợp đồng kinh tế.

Căn cứ Hợp đồng số MS/TA/CEMF2015-19-8/HĐKT-TB-MS ngày 18/8/2015 và Hợp đồng lắp đặt thiết bị nhà máy thủy điện Mường Sang 2 số 63/2016HĐLD-MS-TA ngày 01/6/2016.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty TNHH T**; Trụ sở: Khuất Duy Tiến, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Trương Thế S - Giám đốc; Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Cao Thị P, bà Lê Thị Diễm H.

- *Bị đơn:* **Công ty CP đầu tư và xây lắp S**; Trụ sở: phường Láng Hạ, quận Đống Đa, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Phương Đ - Giám đốc; Địa chỉ liên hệ: xã Mường Sang, huyện Mộc Châu, tỉnh Sơn La; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Quảng Đ.

2. Ghi nhận sự tự nguyện thoả thuận của các đương sự như sau:

2.1. Xác nhận tính đến ngày 29/12/2023 Công ty CP đầu tư và xây lắp S nợ Công ty TNHH T số tiền 1.477.925.200 đồng, (trong đó, Hợp đồng số MS/TA/CEMF2015-19-8/HĐKT-TB-MS ngày 18/8/2015 nợ số tiền

1.007.925.200 đồng; Hợp đồng lắp đặt thiết bị nhà máy thủy điện Mường Sang 2 số 63/2016HĐLĐ-MS-TA ngày 01/6/2016 nợ số tiền 470.000.000 đồng) và số tiền lãi tính từ ngày 20/01/2020 đến ngày 29/12/2023 là 47 tháng 9 ngày làm tròn là 47 tháng với mức lãi suất 9%/năm là: 1.477.925.200 đồng x 47 tháng x 0,75%/tháng = 520.968.633 đồng.

2.2. Lộ trình trả nợ: Hai bên thống nhất Công ty CP đầu tư và xây lắp S trả nợ Công ty TNHH T theo lộ trình sau:

Chậm nhất ngày 25/6/2024: trả 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

Chậm nhất ngày 25/7/2024: trả 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

Chậm nhất ngày 25/8/2024: trả 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

Chậm nhất ngày 25/9/2024: trả 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

Chậm nhất ngày 25/10/2024: trả 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

Chậm nhất ngày 25/6/2025: trả 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

Chậm nhất ngày 25/7/2025: trả 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

Chậm nhất ngày 25/8/2025: trả 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

Chậm nhất ngày 25/9/2025: trả 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng);

Chậm nhất ngày 25/10/2025: trả nốt số tiền nợ là 577.925.200 đồng (năm trăm bảy mươi bảy triệu, chín trăm hai mươi lăm nghìn, hai trăm đồng);

2.3. Trường hợp, Công ty CP đầu tư và xây lắp S trả tiền theo đúng lộ trình trên, Công ty TNHH T miễn toàn bộ phần lãi trên cho Công ty CP đầu tư và xây lắp S. Trường hợp Công ty CP đầu tư và xây lắp S vi phạm bất cứ kỳ trả nợ nào nêu trên thì Công ty TNHH T sẽ không miễn lãi mà có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án thi hành đối với toàn bộ khoản tiền gốc còn nợ và số tiền lãi nêu trên.

2.4. Án phí: Công ty TNHH T, Công ty CP đầu tư và xây lắp S thống nhất: Công ty CP đầu tư và xây lắp S chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định là 28.168.878 đồng (Hai mươi tám triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn, tám trăm bảy mươi tám đồng). Hoàn trả Công ty TNHH T số tiền tạm ứng án phí 29.670.000 đồng (hai mươi chín triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0019084 ngày 17/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Đống Đa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực thi hành, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại Khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành

án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thu Hà